

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Sơ kết chuyển đổi số trong 6 tháng đầu năm 2022

Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ủy ban) đã chỉ đạo chuyển đổi số phải lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, là động lực của chuyển đổi số. Người dân, doanh nghiệp cũng phải tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban đã cụ thể hóa chủ trương này. Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban đã ban hành văn bản hướng dẫn đưa hoạt động của người dân lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam năm 2022.

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban xin báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số quốc gia trong 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2022

Chỉ tiêu	6 tháng	Mục tiêu năm 2022
Các chỉ tiêu đã đạt được		
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%
Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	11,27%	7%
Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi có tài khoản thanh toán	66%	65%
Các chỉ tiêu cần tiếp tục nỗ lực trong 6 tháng cuối năm		
Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	70,91%	85%
Tỷ lệ hộ gia đình Internet cáp quang băng rộng	71,75%	75%
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	45,78%	80%
Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	36,91%	50%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	33%	50%
Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		
<i>Bộ phận một cửa cấp bộ, cấp tỉnh</i>	-	100%
<i>Bộ phận một cửa cấp huyện</i>		100%
Tỷ lệ báo cáo của CQNN được thực hiện trực tuyến	-	50%
Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở	3%	50%

Chỉ tiêu	6 tháng	Mục tiêu năm 2022
Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	6%	30%

II. SƠ KẾT CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số quốc gia

a) Kết quả đạt được:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định **ngày 10 tháng 10** là Ngày Chuyển đổi số quốc gia¹. Chủ đề năm 2022 là **“Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”**. Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch hướng dẫn thực hiện². Theo đó, hoạt động hưởng ứng năm 2022 tập trung vào các sáng kiến mang lại lợi ích thiết thực cho người dân; thúc đẩy, quảng bá toàn dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số Việt Nam; thúc đẩy phổ cập kỹ năng số, giúp người dân được thụ hưởng kết quả chuyển đổi số.

- **07/63** địa phương đã lựa chọn ngày Chuyển đổi số địa phương, trong đó **02** địa phương chọn ngày Chuyển đổi số địa phương trùng Ngày Chuyển đổi số quốc gia³, **05** địa phương chọn ngày Chuyển đổi số riêng⁴.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số thời gian qua ở một số địa phương vẫn mang tính hình thức, ví dụ như tổ chức dưới dạng hội nghị, hội thảo, diễn đàn, chuyên đề, chưa mang lại nhiều hiệu quả thiết thực cho người dân.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Các bộ, ngành, địa phương chưa chọn ngày Chuyển đổi số riêng lấy ngày Chuyển đổi số quốc gia làm ngày Chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương để tạo sự lan toả, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

- Căn cứ Kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của từng bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch triển khai trước ngày 15/8/2022, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân địa phương.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

¹ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

² Quyết định số 1092/QĐ-BTTTT ngày 19/6/2022 của Bộ TT&TT

³ Hưng Yên, Đồng Tháp

⁴ TP. Đà Nẵng (ngày 28/8), Hà Giang (ngày 28/8), Hải Dương (ngày 26/3), Thái Nguyên (ngày 31/12), Đắk Nông (ngày 01/11).

a) Kết quả đạt được:

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp và công bố **55** bài toán chuyên đổi số của các bộ, ngành và địa phương tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn/>

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp và công bố **21** câu chuyện chuyên đổi số Việt Nam từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để lan toả những sáng kiến, cách làm, kinh nghiệm, bài học, mô hình tham khảo về chuyên đổi số tại địa chỉ: <https://t63.mic.gov.vn/>

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các bộ, ngành, địa phương vẫn lúng túng trong việc xác định tường minh bài toán chuyên đổi số của mình và thứ tự cần ưu tiên giải quyết.

- Các bộ, ngành, địa phương vẫn thực hiện tuyên truyền, phổ biến theo cách thức truyền thống là tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc tuyên truyền, phổ biến các nội dung chung chung, chưa gắn với yêu cầu thực tiễn của bộ, ngành, địa phương.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Chuyên đổi số là một phương thức phát triển mới, là thêm một phương thức mới để giải quyết các bài toán đã đặt ra, những vấn đề nhức nhối có thể tồn tại từ lâu chưa giải quyết được. Vì vậy, các bộ, ngành, địa phương cần xác định tường minh bài toán chuyên đổi số của mình, xuất phát từ chính đặc thù của bộ, ngành, địa phương mình, tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, quận, huyện chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyên đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông "Chuyên đổi số quốc gia" trên Zalo**a) Kết quả đạt được:**

Kênh cập nhật hàng ngày thông tin mới nhất về chuyên đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng (chính sách, pháp luật, bài toán, sáng kiến, cách làm) đã thu hút được khoảng **20.000** người theo dõi kênh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Ước lượng số lượng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước ở 4 cấp chính quyền trực tiếp được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai chuyên đổi số là khoảng **30.000** người, số lượng tổ công nghệ số cộng đồng đến hết tháng 6/2022 là khoảng **200.000** người. Như vậy, số người đã tham gia kênh truyền thông cập nhật, phổ biến thông tin mới nhất về chuyên đổi số còn rất hạn chế, mới được **10%**.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

Chỉ đạo cán bộ các cấp tham gia vào kênh truyền thông chuyên đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR.

2. Thể chế số

Danh mục các văn bản quan trọng về chuyển đổi số do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong 6 tháng đầu năm tại Phụ lục 1 kèm theo.

Danh mục các văn bản quan trọng về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành trong 6 tháng đầu năm để hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai tại Phụ lục 2 kèm theo.

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- **22/22** bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm; **19/22** bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành kế hoạch hành động năm 2022 (*còn 3 bộ, ngành chưa ban hành là Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

- **60/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản của tỉnh ủy/thành ủy về chuyển đổi số (*còn 3 địa phương chưa ban hành là An Giang, Nghệ An, Phú Yên*).

- **62/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm (*còn 1 địa phương chưa ban hành là Nghệ An*). **52/63** địa phương đã ban hành kế hoạch năm 2022 (*còn 11 địa phương chưa ban hành là Bắc Kạn, Bạc Liêu, Hà Nội, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Thái Bình, Vĩnh Long*);

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số địa phương chưa ban hành nghị quyết của cấp ủy, kế hoạch hành động 05 năm và kế hoạch hàng năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số. Những địa phương đã ban hành thì nội dung vẫn còn mang tính khái quát cao, giống với chiến lược chung của cả quốc gia, chưa có nhiều điểm đặc thù của địa phương.

- Kế hoạch hành động năm 2022 của nhiều bộ, ngành, địa phương còn thiếu chi tiết, chưa xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực triển khai.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Các địa phương chưa ban hành nghị quyết của cấp ủy, kế hoạch 05 năm, kế hoạch năm 2022 của cấp chính quyền về chuyển đổi số khẩn trương ban hành.

- Các bộ, ngành địa phương đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 cần tập trung nguồn lực triển khai theo tiến độ; điều chỉnh nội dung Kế hoạch nếu cần để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm 2022 theo định hướng của quốc gia. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hành động chuyển đổi số năm 2023 trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Các địa phương thực hiện đôn đốc, giám sát thực hiện, định kỳ hàng năm thực hiện sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện, trên cơ sở đó thực hiện cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022

a) Kết quả đạt được:

100% các bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số. **07/22** bộ, cơ quan ngang bộ và **34/63** địa phương đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ở một số bộ, ngành, địa phương vẫn mang tính hình thức, chưa mang lại hiệu quả thực tế, thậm chí đã thành lập nhưng chưa hoạt động.

- Các bộ, ngành, địa phương chưa xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm cần sự chỉ đạo, theo dõi của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số hoặc đã xác định được nhiệm vụ trọng tâm nhưng chưa xây dựng lộ trình thực hiện chi tiết theo từng tháng.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022, sớm ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022. Trong đó, xác định rõ các mục tiêu quan trọng và nhiệm vụ trọng tâm thuộc diện Ban Chỉ đạo chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc, giám sát thực hiện; kế hoạch chi tiết triển khai theo từng tháng.

- Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022 trước khi có Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS cần rà soát, bổ sung các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt **71,79** Mbps, tăng **32,7%** so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt **35,29** Mbps, tăng **4,7%** so với cùng kỳ năm 2021.

- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được **477/832** thôn lõm sóng viễn thông.

- Bàn giao cho các tỉnh là **457.249** máy tính trong Chương trình "Sóng và máy tính cho em".

- Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money tăng **4 lần** so với tháng 01/2022.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tốc độ mạng băng rộng cố định, di động vẫn là mức trung bình khá của thế giới, chưa tạo bước đột phá về hạ tầng phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Việc xóa vùng lõm sóng viễn thông và cung cấp máy tính trong Chương trình "Sóng và máy tính cho em" chưa hoàn thành.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng (địa điểm, điện lưới,...) để các doanh nghiệp viễn thông phủ sóng các vùng lõm; đưa cáp quang tới các thôn bản, đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình.

- Hoàn thành việc bàn giao máy tính cho các địa phương theo Chương trình "Sóng và máy tính cho em" trước ngày khai giảng năm học mới.

4. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

- **35/35** nền tảng số quốc gia đã hoàn thành phát triển, công bố và đưa vào sử dụng, trong đó có **31** nền tảng số đã đưa vào sử dụng chính thức, **4** nền tảng số đang sử dụng thử nghiệm.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành chỉ đạo phát triển, đánh giá và công bố **50** nền tảng số, trong đó có **18** nền tảng phục vụ Chính phủ số, **16** nền tảng phục vụ kinh tế số và **16** nền tảng phục vụ xã hội số.

- **63/63** địa phương đã được giao nhiệm vụ triển khai sử dụng tối thiểu 01 nền tảng số; **43/63** địa phương đã công bố lựa chọn nền tảng số triển khai năm 2022 lồng ghép trong kế hoạch chuyển đổi số; **9/63** địa phương đã công bố lựa chọn nền tảng số triển khai năm 2022 bằng một văn bản riêng của UBND tỉnh, thành phố.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Đa số các nền tảng mới đáp ứng được yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản. Các nền tảng chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng.

- Nhận thức về nền tảng số và cách tiếp cận sử dụng nền tảng số trong triển khai chuyển đổi số còn chưa được đầy đủ, do đây là vấn đề mới với hầu hết các bộ, ngành, địa phương.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Đưa nhiệm vụ lựa chọn, công bố các nền tảng số mà bộ, ngành, địa phương lựa chọn để giải quyết bài toán của bộ, ngành, địa phương, với định hướng năm 2022 tập trung vào việc đưa hoạt động của người dân lên môi trường số, vào nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số để theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc triển khai.

- Chỉ đạo, cử cán bộ liên quan tham gia khóa học trực tuyến miễn phí về cách tiếp cận nền tảng trong triển khai chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông để hiểu và tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố.

5. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

- **15/63** tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- **47/63** tỉnh, thành phố đã triển khai **40.590** Tổ công nghệ số cộng đồng đến tận thôn, xóm với hơn **200.000** thành viên tham gia.

- Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, đã hoàn thành 3 khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho **1.648** công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương; dự kiến sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương triển khai công tác chuẩn bị bồi dưỡng chuyển đổi số cho khoảng **30.000** công chức, viên chức, **200.000** thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và bồi dưỡng kỹ năng số miễn phí cho người dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về số lượng, tỷ lệ nhân lực công nghệ thông tin/tổng số lao động của Việt Nam ước đạt gần **1%**⁵, thấp hơn một số quốc gia mạnh về công nghệ thông tin như Hoa Kỳ (**4%**), Hàn Quốc (**2,5%**), Ấn Độ (**1,78%**)⁶. Về chất lượng, báo cáo

⁵ Việt Nam có khoảng 450.000 lao động được đào tạo chuyên ngành kỹ sư, cử nhân CNTT trong tổng số khoảng 51 triệu lao động.

⁶ Báo cáo của hãng tư vấn Deloitte công bố tháng 12/2021 và các trang thông tin điện tử nước ngoài.

của TopDev, một trong những công ty hàng đầu về tuyển dụng công nghệ thông tin, công bố năm 2021 cho thấy chỉ có khoảng **30%** kỹ sư, cử nhân mới ra trường đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc.

- Về kỹ năng, Việt Nam chưa có chuẩn kỹ năng số quốc gia mà hiện mới chỉ có chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành từ năm 2014, dựa trên những nghiên cứu, khảo sát của giai đoạn trước đó, thiếu một số nội dung như phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo v.v....

- Việc triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương còn mang tính hình thức, chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông sớm xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai thí điểm đại học số. Tập trung vào lựa chọn và thí điểm tại 05 trường đại học có thế mạnh đào tạo về các chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, an toàn thông tin mạng.

- Bộ Thông tin và Truyền thông nâng cấp, cập nhật chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đã ban hành năm 2014 thành chuẩn kỹ năng số quốc gia.

- Các bộ, ngành, địa phương chưa ban hành cần sớm ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Các địa phương chưa triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng và đưa vào hoạt động trong tháng **7/2022**.

- Các địa phương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, bao gồm đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng và người dân.

6. An toàn, an ninh mạng

a) Kết quả đạt được:

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý **6.641** cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, tăng **37,92%** so với cùng kỳ năm 2021 và tăng **35,14%** so với đầu năm 2022.

- Doanh thu an toàn thông tin mạng đạt **1.418** tỷ đồng, tăng **48,8%** so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ lệ nhóm sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng của Việt Nam so với **22** nhóm sản phẩm hệ sinh thái an toàn thông tin mạng đạt **95,5%**. Tỷ lệ sản xuất/nhập khẩu tháng 6/2022 đạt **72,6%**.

- Đã có **922/3022** hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin, đạt **31%**.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trên **95%** các bộ, ngành và địa phương chưa thực hiện đầy đủ hoạt động kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. **100%** cơ quan chưa thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mã nguồn đối với các hệ thống thông tin trước khi đưa vào sử dụng và khi nâng cấp, cập nhật.

- Nhân lực an toàn thông tin mạng chưa đáp ứng yêu cầu, bình quân mỗi đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin mạng của bộ, ngành và địa phương có **2,4** người, bằng một nửa so với yêu cầu tối thiểu là 5 người.

- Các bộ, ngành, địa phương mới thực hiện triển khai giám sát an toàn thông tin ở mức cơ bản, chủ yếu mới thực hiện giám sát 2/4 lớp kỹ thuật: lớp mạng và lớp hệ điều hành (máy chủ) và Cơ sở dữ liệu. Chưa chú trọng giám sát lớp ứng dụng và lớp endpoint (người dùng, thiết bị đầu cuối). Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp 3, 4, 5 được giám sát mới đạt 69,9%.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Tổ chức phổ biến, quán triệt tới toàn bộ các tổ chức, cá nhân liên quan về hai nguyên tắc, bốn giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, cụ thể:

+ Hai nguyên tắc: Hệ thống thông tin chưa kết luận bảo đảm an toàn, an ninh mạng chưa đưa vào sử dụng; Hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

+ Bốn giải pháp: Phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức xác định, phân loại và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ của 100% các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý trước ngày **30/9/2022**; triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước ngày **15/11/2022** và cho dừng các hệ thống thông tin không bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật từ ngày **01/01/2023**.

- Tổ chức giám sát cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành, địa phương. Hoàn thành giám sát an toàn thông tin mạng cho 100% các hệ thống thông tin cấp độ 3, 4, 5 trước ngày **15/11/2022**.

- Tăng cường tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tối thiểu tổ chức 01 diễn tập thực chiến trong năm 2022, hoàn thành trước ngày **30/11/2022**.

- 100% các hệ thống thông tin kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn thành phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin trước ngày **15/11/2022**.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin (theo hình thức thuê chuyên gia), bảo đảm tối thiểu mỗi đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng của các Bộ, ngành và địa phương có tối thiểu 05 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố, hoàn thành trước **15/12/2022**

7. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được:

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối **04** cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện; hơn **97%** xã trên toàn quốc. Hiện còn chỉ còn Bình Thuận chưa kết nối được đến **100%** cấp xã, dự kiến hoàn thành trong tháng **9/2022**.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tiếp tục phát huy hiệu quả để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tổng giao dịch thực hiện thông qua NDXP trong 06 tháng đầu năm 2022 đạt khoảng **350 triệu** giao dịch, tăng hơn **25** lần so với cùng kỳ năm 2021; trung bình hàng ngày có khoảng **1,9 triệu** giao dịch thực hiện thông qua NDXP.

- Phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL):

+ CSDL quốc gia về dân cư được đẩy mạnh triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Bộ Công an đã hoàn thành **9/11** dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Tích hợp thử nghiệm về mặt kỹ thuật, giải pháp đối với việc xác thực danh tính qua thẻ CCCD gắn chip điện tử được trang bị tại các quầy giao dịch của **05** Ngân hàng (BIDV, Viettinbank, Vietcombank, Agribank, PVcombank); Triển khai thí điểm sử dụng thẻ CCCD thay thẻ ATM tại một số chi nhánh của **03** ngân hàng lớn (BIDV, Viettinbank, Vietcombank) tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh; Sử dụng thẻ CCCD trong khám chữa bệnh **6.361** cơ sở khám chữa bệnh (chiếm khoảng **48%**); Kết nối chính thức với **11** đơn vị bộ ngành và **14** địa phương để

làm giàu dữ liệu, đồng bộ thông tin với dữ liệu dân cư; Kết nối thử nghiệm thông tin thuê bao (trừ thông tin mật) của **03** doanh nghiệp viễn thông lớn (VNPT, Viettel, Mobiphone) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực dữ liệu người dùng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết tình trạng sử dụng SIM rác.

+ CSDL quốc gia về Bảo hiểm quản lý thông tin của **27 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của **98 triệu** người dân.

+ CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc có khoảng **28 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên **7 triệu** trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; trên **6 triệu** dữ liệu đăng ký kết hôn; trên **4 triệu** dữ liệu đăng ký khai tử.

+ CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn **01 triệu** doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đạt **100%**.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 là **97,3%**; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phát sinh hồ sơ là **45,7%**, gấp **1,6** lần so với cùng kỳ năm 2021; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến là **36,9%**, tăng khoảng **10%** so với cùng kỳ năm 2021. Một số DVCTT phát huy hiệu quả rõ rệt phục vụ người dân, tiêu biểu như: Dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Dịch vụ đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy; Dịch vụ cấp hộ chiếu phổ thông.

+ Trong 06 tháng đầu năm 2022, Cổng dịch vụ công quốc gia đã có hơn **767.000** tài khoản đăng ký; hơn **102 triệu** lượt truy cập tìm hiểu thông tin, dịch vụ; hơn **32 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn **1,4 triệu** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn **531.000** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **1,5 nghìn tỷ** đồng. Từ khi khai trương đến nay, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp **3.680** DVCTT mức độ 3, 4; hơn **2,1 triệu** tài khoản đăng ký (tăng hơn **2,8** lần so với cùng kỳ năm 2021); hơn **473 triệu** lượt truy cập tìm hiểu thông tin, dịch vụ (tăng hơn **2,8** lần so với cùng kỳ năm 2021); hơn **122,7 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái (tăng hơn **2** lần so với cùng kỳ năm 2021); hơn **4,1 triệu** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng (tăng hơn **3** lần so với cùng kỳ năm 2021); hơn **1 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **2,2 nghìn tỷ** đồng (tăng hơn **26** lần so với cùng kỳ năm 2021); hơn **172.000** cuộc gọi tới tổng đài.

- Triển khai các ứng dụng quy mô quốc gia:

+ Trục liên thông văn bản quốc gia: Trong 06 tháng đầu năm 2022, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên **3,7 triệu** văn bản, gấp **3,8** lần so với cùng kỳ năm 2021. Đến nay, Hệ thống có tổng số hơn **12,8 triệu** văn bản điện tử

được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Trong 06 tháng đầu năm 2022, Hệ thống đã phục vụ **11** phiên họp Chính phủ và xử lý **204** Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn **71.000** hồ sơ, tài liệu giấy). Đến nay, Hệ thống đã phục vụ **54** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **1.208** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần **431.000** hồ sơ, tài liệu giấy);

+ Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Đến nay, Hệ thống đã kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, CSDL có chức năng báo cáo của **15** bộ, cơ quan và **59** địa phương; đã cung cấp thông tin, dữ liệu của **15/151** chế độ báo cáo trên Hệ thống; **152/200** chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và **04/12** chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 Quốc hội giao Chính phủ được cung cấp trên Hệ thống;

+ Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành đã xây dựng kho dữ liệu tổng hợp với trên **300** chỉ tiêu kinh tế - xã hội và khoảng **250** bảng hiển thị dữ liệu cho các chỉ tiêu; đã kết nối **37** chỉ tiêu thông tin dữ liệu trực tuyến.

+ Một số công cụ cải cách, giám sát việc thực thi và phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang được triển khai bao gồm: Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp với 5 nhóm chỉ số thành phần (dự kiến vận hành chính thức từ 01/8/2022); Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh (đến nay đã cập nhật 12.451 quy định) và Hệ thống theo dõi, đánh giá nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (dự kiến vận hành chính thức trong tháng 8/2022).

- Trợ lý ảo được xây dựng và triển khai thí điểm nhằm hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động trong công việc tại Bộ Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tối cao, trước mắt tập trung vào hỏi đáp quy định trong văn bản pháp luật và hỏi đáp các tình huống quản lý nhà nước ngành.

- Hệ thống giám sát dữ liệu trực tuyến, kết nối giữa cơ quan quản lý với hệ thống của đối tượng quản lý được triển khai nhằm giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời:

+ Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Hệ thống giám sát, đo lường EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông kết nối, thu thập và đánh giá dữ liệu của 3 loại đối tượng gồm: (1) Cổng Thông tin điện tử, (2) Cổng Dịch vụ công, (3) Hệ thống Một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương. Hiện nay, đã có 62 tỉnh, thành phố và 27

bộ, ngành thực hiện tích hợp Hệ thống EMC, chỉ còn **02** bộ⁷, **01** địa phương⁸ chưa thực hiện kết nối đầy đủ để phục vụ công tác giám sát, đo lường.

+ Bộ Công Thương đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu xăng dầu, triển khai chọn mẫu một số doanh nghiệp thuộc 3 nhóm đối tượng thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối và thương nhân bán lẻ xăng dầu.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai thí điểm Nền tảng quản lý dữ liệu doanh nghiệp đối với 02 doanh nghiệp thuộc Bộ là Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC và Tổng công ty Bưu chính Việt Nam VNPost.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương với các cơ sở dữ liệu quốc gia còn nhiều vướng mắc, do mức độ sẵn sàng từ phía hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương là khác nhau, dẫn đến chưa giải quyết hiệu quả việc chia sẻ dữ liệu trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia triển khai còn chậm.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao tuy có những chuyển biến tích cực về số lượng; nhưng chất lượng và hiệu quả còn cần tiếp tục phải cải thiện rất nhiều. Người dân chưa thấy thuận tiện, dễ dùng, chưa được khuyến khích khi tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến một cách thực chất là chưa cao.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Khẩn trương triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hướng tới mục tiêu đến hết 2022: *80% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến, 50% hồ sơ được xử lý trực tuyến*. Cụ thể:

+ Rà soát các thủ tục hành chính và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện;

+ Giao chỉ tiêu, trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả (như tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến);

+ Nghiên cứu, ban hành các chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

⁷ Các Bộ: Tư pháp, Tài chính

⁸ Hà Nội

+ Triển khai các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến;

+ Kết nối, khai thác dữ liệu hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, tỉnh và các hệ thống thông tin có phạm vi quy mô từ Trung ương tới địa phương đã sẵn sàng để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

+ Kết nối, đồng bộ dữ liệu giám sát đo lường mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Hệ thống đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số;

- Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính phủ số. Các nền tảng được triển khai phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không trùng lặp, tuân thủ pháp luật về quản lý đầu tư.

8. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đến hết 6 tháng đầu năm ước tính là **10,41%**. Tỷ trọng này năm 2021 ước tính là **9,6%**. Mục tiêu đặt ra đến năm 2025 là **20%**.

- **01/22** bộ, ngành, **16/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; **23/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế; **28/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số ước đạt **67.300** doanh nghiệp, tăng gần **3.500** doanh nghiệp so với tháng 12/2021, đạt tỷ lệ **0,69** doanh nghiệp trên **1.000** dân.

- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số bằng các nền tảng số Việt Nam đã có **318.064** doanh nghiệp tiếp cận, tham gia, tăng gần **10** lần so với năm 2021; **47.564** doanh nghiệp đã sử dụng nền tảng số SMEdx, tăng gần **3** lần so với năm 2021.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt **99%**; tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hoá đơn điện tử là **100%**.

- Trong 05 tháng đầu năm 2022, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) tăng 76% về số lượng và 30,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021, trong đó, qua điện thoại di động và QRCode có mức độ tăng trưởng ấn tượng nhất. Qua điện thoại di động tăng 99,1% về số lượng và 86,1% về giá trị, qua QRCode tăng 68,9% về số lượng và 113,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Các nền tảng thanh toán số dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng số lượng người dùng thường xuyên bình quân hàng tháng so với cùng kỳ năm trước. Vietcombank tăng **24,17%**, đạt **12,42 triệu** người dùng thường xuyên; MB Bank tăng **79,03%**, đạt **10,21 triệu** người dùng thường xuyên; BIDV Mobile tăng **71,48%**, đạt **9,22 triệu** người dùng thường xuyên; Zalo Pay tăng **35,11%**, đạt **6,88 triệu** người dùng thường xuyên.

- Trong 06 tháng đầu năm 2022, có thêm **3.378.742** hộ sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ lên hoạt động các sàn thương mại điện tử Việt Nam Postmart và Vò sò để bán các nông sản của mình, đưa tổng số hộ nông dân hoạt động trên các sàn này lên **4.416.413** hộ, với **146.610** loại sản phẩm được bán lên sàn. Giá trị giao dịch đạt **194** tỷ đồng.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Chuyên đổi số trong các bộ, ngành, địa phương mới bắt đầu, chủ yếu vẫn tập trung nhiều vào phát triển chính phủ điện tử, gặp nhiều lúng túng trong triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số. Bộ máy nhân lực để thúc đẩy phát triển kinh tế số tại các bộ ngành địa phương đều rất mỏng, hầu như chưa có, trong khi đây là lĩnh vực mới đòi hỏi cần có sự hỗ trợ, thúc đẩy mạnh mẽ từ nhà nước.

- Việc hỗ trợ nền tảng số Việt Nam mới ở bước đầu, chưa có cơ chế thực sự hiệu quả để phát triển thị trường trong nước và hỗ trợ các nền tảng Việt Nam chiếm lĩnh thị trường trong nước làm bàn đạp vươn ra thế giới.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số. Trong đó, các Bộ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trọng điểm phát triển kinh tế số (*Nông nghiệp và nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, việc làm và an sinh xã hội, Thương mại, công nghiệp và năng lượng, Du lịch, Tài nguyên và Môi trường*) cần có sự quan tâm đặc biệt, đầu tư thích đáng, khẩn trương ban hành Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai.

- Các địa phương ban hành và đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá xác định mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành.

- Các địa phương chủ động phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử và nền tảng địa chỉ số quốc gia để đẩy mạnh triển khai kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử và kế hoạch phát triển và ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại địa phương.

9. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

So với cùng kỳ năm trước (6/2021), hoạt động của người dân trên môi trường số 06 tháng đầu năm 2022 đã ghi nhận sự tăng trưởng cả về số lượng người sử dụng và thời lượng sử dụng, đặc biệt ở các nền tảng số do Việt Nam sở hữu và phát triển.

Tính đến thời điểm 30/6/2022, một số kết quả nổi bật về hoạt động của người dân trên các nền tảng số di động như dưới đây:

- Số lượng lượt tải mới các ứng dụng di động đạt gần **200 triệu** lượt (tính riêng tháng 6/2022), đưa Việt Nam xếp hạng thứ **7 toàn cầu** về tổng số lượt tải mới (chỉ đứng sau các nước Ấn Độ, Hoa Kỳ, Brazil, Trung Quốc và Indonesia).

- Việt Nam có **8 nền tảng số** có số lượng người dùng thường xuyên hàng tháng đạt trên **10 triệu** và số lượng các nền tảng số Việt Nam có phát sinh người dùng thường xuyên hàng tháng tăng so với cùng kỳ năm trước là **8,47%**.

- Tổng số người dùng hàng tháng trên tất cả các nền tảng số di động Việt Nam đã tăng hơn **100 triệu** lượt (tương ứng với tỷ lệ tăng **28,06%**), đưa tỷ lệ người dùng các nền tảng số di động Việt Nam đạt khoảng **20%** trên tổng số người dùng các nền tảng số, tăng gần **4%** so với cùng kỳ 2021.

- Tổng thời lượng sử dụng của người dùng trên các nền tảng số đạt gần **6,5 tỷ** giờ, trong đó thời lượng sử dụng các nền tảng số Việt là **0,78 tỷ** giờ (**tăng gần 80%** so với tháng 6/2021), như vậy bình quân mỗi người dùng thường xuyên hàng tháng dành khoảng **1,7** giờ trong tháng 6 để sử dụng các nền tảng số di động Việt Nam (tháng 6/2021 là **1,2** giờ/người dùng thường xuyên).

- Một số nền tảng số dùng chung, miễn phí của Việt Nam do khối cơ quan, đoàn thể Nhà nước phát triển đã đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng về số lượng người dùng thường xuyên so với cùng kỳ năm trước. Điển hình là nền tảng “Thanh niên Việt Nam” đạt trung bình hơn **2,9 triệu** lượt người dùng trong 06 tháng đầu năm 2022, tăng **382%** so với 06 tháng đầu năm 2021.

Chỉ tiêu	Tháng 6/2021	Tháng 6/2022	Tăng trưởng
Tổng số người dùng thường xuyên hàng tháng	2,2 tỷ	2,3 tỷ	3,22%
<i>Nền tảng số Việt Nam</i>	<i>359 triệu</i>	<i>460 triệu</i>	<i>28,06%</i>
<i>Tỷ lệ Việt Nam so với nước ngoài</i>	<i>16,0%</i>	<i>19,8%</i>	<i>3,8%</i>
Tổng thời gian sử dụng hàng tháng	6,3 tỷ giờ	6,5 tỷ giờ	2,59%
<i>Ứng dụng Việt Nam</i>	<i>0,44 tỷ giờ</i>	<i>0,78 tỷ giờ</i>	<i>79,38%</i>
<i>Tỷ lệ Việt Nam so với nước ngoài</i>	<i>6,9%</i>	<i>12,1%</i>	<i>5,2%</i>

Tính đến hết tháng 6/2022 có **24 triệu** bộ dữ liệu địa chỉ số của các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức được khảo sát, cập nhật vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số, trong đó có khoảng **7 triệu** địa chỉ đã đầy đủ điều kiện để sẵn sàng thông báo cho chủ địa chỉ và chính thức đưa vào sử dụng, khai thác trên nền tảng địa chỉ số. Đây là nền móng để phát triển thương mại điện tử, kinh tế số vận tải, logistic và phát triển xã hội số.

Nhiều tỉnh thành, địa phương trên cả nước đã triển khai hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản ánh hiện trường của người dân trên nhiều lĩnh vực và qua nhiều hình thức trực tuyến như: cổng thông tin điện tử, các nền tảng số phục vụ liên lạc, các ứng dụng di động,... Điều này góp phần thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Các nền tảng số xuyên biên giới đang chiếm thị phần đáng kể về số lượng người dùng thường xuyên ở hầu hết các ngành, lĩnh vực (ngoại trừ nhóm nền tảng phục vụ liên lạc, nền tảng phục vụ tin tức và nền tảng thanh toán số). Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng các nền tảng số Việt Nam số lượng người dùng thường xuyên hàng tháng trên **10 triệu** chiếm **21,6%** tổng số các nền tảng số thuộc nhóm này.

- Khi chuyển sang trạng thái bình thường mới, một số nền tảng số ghi nhận sự sụt giảm về số lượng người dùng và thời lượng sử dụng (như nhóm nền tảng phục vụ họp trực tuyến) nhưng một số nhóm nền tảng có sự tăng trưởng (như nhóm nền tảng phục vụ du lịch, nền tảng phục vụ đi lại và các nền tảng phục vụ việc học ôn luyện kiến thức phổ thông).

- Kỹ năng số của người dân còn chưa cao và tập trung chủ yếu ở giới trẻ; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến, đọc sách trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Các địa phương lựa chọn và công bố các nền tảng số mà địa phương mình tập trung thúc đẩy trong năm 2022 để giải quyết các vấn đề của người dân trong tháng 7/2022.

- Các địa phương giao nhiệm vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Thanh toán không dùng tiền mặt; (3) mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam như Vở Sò và PostMart; (4) Sử dụng phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản; (5) Sử dụng nền tảng số Việt Nam do địa phương lựa chọn.

10. Đô thị thông minh

a) Kết quả đạt được:

- **35/63** địa phương đã ban hành Đề án, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh và bước đầu cung cấp các dịch vụ, tiện ích đô thị thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- **20/63** địa phương đã ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

- **44/63** địa phương đã triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số địa phương triển khai đô thị thông minh nhưng thiếu tầm nhìn dài hạn, thiếu tính tổng thể, thiếu kiến trúc nhất quán.

- Mới chỉ cung cấp một số dịch vụ tiện ích trong phát triển đô thị thông minh, chưa tập trung vào những vấn đề căn cơ, những bài toán lớn của đô thị như quy hoạch, giao thông, môi trường, năng lượng, xử lý rác thải,...

c) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

- Phát triển đô thị thông minh bảo đảm kế thừa, đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của địa phương.

- Xác định đúng vấn đề, bài toán gắn với những điều kiện đặc thù của địa phương trong phát triển đô thị thông minh, có tính toán đến các yếu tố bền vững, khả năng thích ứng, linh hoạt của đô thị.

- Ban hành bộ chỉ số và định kỳ thực hiện đo lường mức độ phát triển đô thị thông minh để bảo đảm đầu tư hiệu quả.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Đến thời điểm hiện tại, có thể nói, cơ bản các bộ, ngành, địa phương đã bước đầu xác định được danh mục các nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025. Trong quá trình triển khai, nổi lên một số khó khăn, vướng mắc lớn như sau.

1. Nhân lực cho chuyển đổi số

- Hệ thống đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương chưa được kiện toàn về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ để đáp ứng vai trò dẫn dắt, tổ chức triển khai chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Các cán bộ, công chức, viên chức thiếu kiến thức, kỹ năng để thực hiện chuyển đổi số; đặc biệt là thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao trong cơ quan nhà nước để tổ chức thực thi hoạt động chuyển đổi số. Vì vậy, cần có các chương trình đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ, công chức, viên chức; có cơ chế, chính sách thuê chuyên gia triển khai các hoạt động chuyển đổi số của cơ quan nhà nước.

- Số lượng, chất lượng kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số. Vì vậy, cần có các mô hình đào tạo mới để bảo đảm đảm cung cấp đủ số lượng, chất lượng nhân lực chuyên môn chuyển đổi số.

- Lực lượng lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau còn thiếu kỹ năng số trong thực hiện công việc mình.

2. Kinh phí cho chuyển đổi số

- Về thống kê, phân tích, giám sát dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Theo số liệu trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước đến ngày 30/3/2022 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho lĩnh vực công nghệ thông tin giai đoạn 2021 – 2025 khoảng 10.157 tỷ đồng (chiếm 0,35% tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025), trong đó 8.312 tỷ đồng bố trí cho một số cơ quan trung ương, 1.845 tỷ đồng bố trí cho một số địa phương. Hiện chưa có số liệu về kinh phí đầu tư từ ngân sách địa phương. Số lượng các dự án đầu tư về công nghệ thông tin do vậy là lớn, nhưng đang thiếu công cụ để hỗ trợ việc thống kê, phân tích, giám sát phục vụ hoạch định chính sách trên dữ liệu lớn.

- Về kinh phí duy trì, vận hành:

Các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để hình thành nền các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng số lớn hiện nay sẽ gặp phải vấn đề về

kinh phí duy trì, vận hành. Chỉ một số hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước có thu phí, lệ phí và từ đó được trích lại một phần để phục vụ duy trì, vận hành, các hệ thống thông tin khác không có nguồn kinh phí duy trì, vận hành.

- Về quản lý kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin:

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/9/2019 của Chính phủ và hệ thống các văn bản hướng dẫn đã tạo hành lang pháp lý cơ bản cho việc quản lý kinh phí chi đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, đến nay, đã bộc lộ một số bất cập cần phải xem xét rà soát, nghiên cứu hướng sửa đổi, bổ sung.

Hệ thống định mức, đơn giá về ứng dụng công nghệ thông tin chưa đầy đủ, cụ thể hoặc đang ở mức quá thấp cũng cần phải xem xét rà soát, nghiên cứu hướng sửa đổi, bổ sung.

3. Thiếu cơ chế giám sát triển khai chuyển đổi số

Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số đã được xác định tương đối rõ ràng trên quy mô quốc gia thông qua các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số. Tuy nhiên, vẫn thiếu cơ chế và công cụ theo dõi, giám sát, kiểm tra để bảo đảm việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương được đồng bộ, thông suốt, phù hợp với định hướng quốc gia và các cấp, bảo đảm đầu tư đúng mục tiêu, có hiệu quả.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung hoàn thành năm 2022

Để thúc đẩy chuyển đổi số trong thời gian tới, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chỉ đạo, giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.

Nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt năm 2022 là đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam. Để triển khai nhiệm vụ này trong thời gian còn lại của năm, đồng thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện, nguồn lực cho triển khai chuyển đổi số năm 2023:

a) Các bộ, ngành, địa phương:

- Triển khai dứt điểm các nhiệm vụ trọng tâm được phân công tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022.

- Các địa phương lựa chọn và công bố các nền tảng số mà địa phương mình tập trung thúc đẩy trong năm 2022 để giải quyết các vấn đề của người dân trong

phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng hiệu quả để hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số.

- Rà soát, đăng ký, phân bổ kinh phí cho việc phát triển và triển khai các nền tảng số, đặc biệt là kinh phí cho năm 2023.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì tổng hợp, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển cho triển khai chuyển đổi số năm 2023.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai hệ thống phục vụ theo dõi, kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả.

c) Bộ Tài chính:

Chủ trì tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cho triển khai chuyển đổi số năm 2023.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số và lựa chọn 05 thí điểm mô hình tại 05 trường đại học trước ngày 30/8/2022;

- Giao các trường đại học, các cơ sở đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin nghiên cứu thành lập khoa mới, chuyên ngành đào tạo mới, hoặc cập nhật, bổ sung vào chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng theo hàm lượng phù hợp với yêu cầu thực tiễn công việc và xu thế phát triển của công nghệ.

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung vào việc phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

e) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường, nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức thực thi chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng, triển khai hệ thống phục vụ theo dõi, kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả.

2. Đề xuất lựa chọn chủ đề trọng tâm năm 2023

Chủ đề năm 2022 của Ủy ban Quốc gia và Ban chỉ đạo Chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương tập trung vào chỉ đạo là đưa hoạt động của người dân lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam. Việc có định hướng trọng tâm chỉ đạo, điều hành theo từng năm là hết sức phù hợp, giúp đồng bộ cả về nhận thức lẫn hành động, cùng cộng hưởng để tạo ra kết quả đột phá. Tuy nhiên, việc định hướng trọng tâm năm 2022 hơi muộn, nên đến hết Quý I/2022 mới ban hành Kế hoạch của Ủy ban Quốc gia, dẫn đến Kế hoạch của Ban chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cũng được ban hành muộn.

Vì vậy, kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia cho ý kiến chỉ đạo định hướng trọng tâm năm 2023. Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất 2 phương án tham khảo như sau:

Phương án 1: Phổ cập kỹ năng số toàn dân. Theo hướng này, cơ quan nhà nước tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách cho cán bộ làm chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương. Các doanh nghiệp tập trung vào tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao về kỹ năng số cho người lao động. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân.

Phương án 2: Đưa hoạt động của doanh nghiệp lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam. Theo hướng này, các cơ quan nhà nước tập trung rà soát tối ưu hóa việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ doanh nghiệp, cắt giảm điều kiện kinh doanh. Các doanh nghiệp tập trung chuyển đổi số, đưa hoạt động lên môi trường số, sản xuất, kinh doanh trên môi trường số. Người dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số do doanh nghiệp cung cấp./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG